

Số: 6135 /BGDDĐT-CSVC
V/v hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Thực hiện Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24/9/2023 của Văn phòng chính phủ thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương tại Phiên họp thứ 4 của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 trực tuyến với các địa phương về sơ kết tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia từ năm 2021 đến nay và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới, Bộ Giáo dục và Đào tạo trả lời, hướng dẫn kiến nghị của tỉnh An Giang liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 như sau:

Nội dung kiến nghị

Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội có văn bản hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 5.4 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục “cấp độ 1” (thuộc bộ tiêu chí huyện nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ) và chỉ tiêu 5.4 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục “cấp độ 2” (thuộc bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao ban hành kèm theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

Bộ Giáo dục và Đào tạo trả lời như sau:

Về hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên thuộc Bộ tiêu chí quốc gia huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao ban hành kèm theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Công văn số 5647/BGDĐT-QLCL ngày 27/10/2022 về việc hướng dẫn thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên (gửi kèm theo Công văn này). Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức hội thảo, tập huấn cho 63 Sở Giáo dục và Đào tạo để hướng dẫn thực hiện các Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

Về nội dung kiến nghị, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 943/BGDĐT-CSVC ngày 09/3/2023 về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 gửi 63 UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*gửi kèm theo Công văn này*).

Bộ Giáo dục và Đào tạo trả lời để Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang biết, triển khai thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, NNPTNT, LĐTĐ, LĐTĐ, LĐTĐ, LĐTĐ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để thực hiện);
- Lưu: VT, CSVC

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thưởng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 5647 /BGDDĐT-QLCL
V/v hướng dẫn thực hiện việc
KĐCLGD đối với Trung tâm
GDNN - GDTX

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ Bạc Liêu.

Triển khai thực hiện Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên (Thông tư số 42/TT-BGDĐT), trong thời gian qua, các đơn vị có liên quan đã nghiêm túc thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT, góp phần duy trì, bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục.

Ngày 08/3/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 320/QĐ-TTg về Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 320/QĐ-TTg); trong đó quy định: để đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX)¹ phải đạt KĐCLGD Cấp độ 1 (Tiêu chí 5.4) và để đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, Trung tâm GDNN-GDTX phải đạt KĐCLGD Cấp độ 2 (Tiêu chí 5.5).

Trong thời gian thực hiện quy trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về KĐCLGD Trung tâm GDNN-GDTX, để giúp các Sở GDĐT trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) triển khai thực hiện Quyết định số 320/QĐ-TTg, sau khi thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ GDĐT hướng dẫn các Sở GDĐT triển khai thực hiện việc KĐCLGD đối với Trung tâm GDNN-GDTX như sau:

1. Việc KĐCLGD đối với Trung tâm GDNN-GDTX: thực hiện theo các quy định của Bộ trưởng Bộ GDĐT và các văn bản hướng dẫn. Cụ thể như sau:

a) Về bộ tiêu chuẩn đánh giá: thực hiện theo Mục 3 Chương II của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT. Với các tiêu chí

¹ Trung tâm GDNN-GDTX là loại hình thuộc cơ sở GDTX, được sáp nhập từ Trung tâm dạy nghề, Trung tâm GDTX, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp công lập cấp huyện (được đưa vào quy định tại Điều 44 Luật Giáo dục 2019).

đánh giá có liên quan đến giáo dục nghề nghiệp và giáo dục hướng nghiệp, áp dụng các quy định hiện hành để thực hiện việc đánh giá².

b) Về quy trình và chu kỳ KĐCLGD: thực hiện theo Chương III của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT.

c) Về việc tự đánh giá và đánh giá ngoài: thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 8987/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 28/12/2012 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở GDTX.

d) Việc xác định yêu cầu để đạt tiêu chuẩn đánh giá, gợi ý nguồn minh chứng, thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 430/KTKĐCLGD-KĐPT ngày 04/5/2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng); một số yêu cầu để đạt tiêu chuẩn đánh giá, gợi ý nguồn minh chứng khi đánh giá, thực hiện theo phụ lục kèm theo công văn này.

2. Việc KĐCLGD đối với các chương trình giáo dục nghề nghiệp của Trung tâm GDNN-GDTX: thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

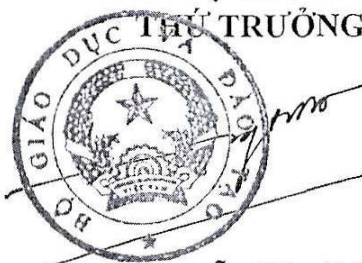
Bộ GDĐT yêu cầu Sở GDĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, các cơ quan quản lý giáo dục, Trung tâm GDNN-GDTX nghiêm túc thực hiện hướng dẫn này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ với Cục Quản lý chất lượng (Phòng Kiểm định chất lượng giáo dục) theo địa chỉ: 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội; thư điện tử: phongkdclgd@moet.gov.vn để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên (để t/h);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh/TP (để c/d);
- Cục QLCL, Vụ GDTX, Cục CSVC và các vụ, cục có liên quan thuộc Bộ GDĐT (để p/h);
- Lưu: VT, QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Độ

² Các quy định được dẫn chiếu tham khảo trong phụ lục kèm theo văn bản này

Phụ lục
HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH YÊU CẦU, GỢI Ý TÌM MINH CHỨNG KHI ĐÁNH GIÁ TRUNG TÂM GDNN - GDTX
(Kèm theo Công văn số 5647 /BGDDT-QLCL ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số	Các yêu cầu để trung tâm đáp ứng tiêu chuẩn	Gợi ý các minh chứng	Văn bản tham chiếu
Tiêu chuẩn 1: Công tác quản lý			
1. Xây dựng chiến lược phát triển trung tâm.			
c) Chiến lược phát triển được sở giáo dục và đào tạo phê duyệt và được công bố công khai dưới hình thức niêm yết tại trung tâm, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương và trên website của sở giáo dục và đào tạo hoặc website của trung tâm (nếu có).	<ul style="list-style-type: none"> - Chiến lược phát triển được sở giáo dục và đào tạo/ UBND cấp huyện phê duyệt; - Được công bố công khai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chiến lược phát triển được phê duyệt; - Các tư liệu chứng minh chiến lược phát triển của trung tâm được niêm yết tại trung tâm, được đưa tin trên đài phát thanh, truyền hình; - Đường dẫn truy cập vào website của trung tâm có đăng tải nội dung chiến lược phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT¹; - Quyết định số 44/2008/QĐ-BGDĐT²; - Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐTĐ-BNV³; - Thông tư số 05/2020/TT-BLĐTĐ⁴.
3. Thực hiện công tác quản lý chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.			
a) Xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, học kỳ, năm học;	Trung tâm xây dựng được kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, học kỳ, năm học	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, học kỳ, năm học lĩnh vực GDTX của trung tâm; kế hoạch đào tạo nghề (chương trình GDTX cấp THPT; đào tạo nghề dưới 3 tháng; các ngành nghề khác đáp ứng theo nhu 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT; - Quyết định số 44/2008/QĐ-BGDĐT; - Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐTĐ-BNV³.

¹ Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2007 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm GDTX

² Quyết định số 44/2008/QĐ-BGDĐT ngày 30/7/2008 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp

³ Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐTĐ-BNV ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc sáp nhập Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp công lập cấp huyện thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm GDNN - GDTX

⁴ Thông tư số 05/2020/TT-BLĐTĐ ngày 16/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành quy định quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp công lập cấp huyện.

Tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số	Các yêu cầu để trung tâm đáp ứng tiêu chuẩn	Gợi ý các minh chứng	Văn bản tham chiếu
		cầu người học) của trung tâm; - Sổ kế hoạch và chương trình hành động; kế hoạch giáo viên, sổ lên lớp, báo cáo tiến độ đào tạo; - Các minh chứng khác (nếu có).	BGDĐT-BNV; - Thông tư số 05/2020/TT-BLĐTBXH; - Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ⁵ .
c) Quản lý hồ sơ, sổ sách theo quy định và theo Luật Lưu trữ.	Quản lý hồ sơ, sổ sách theo quy định và theo Luật Lưu trữ	- Danh mục hệ thống hồ sơ, sổ sách của trung tâm; - Các báo cáo của trung tâm có nội dung đánh giá việc lưu trữ hồ sơ, văn bản; - Các minh chứng khác (nếu có).	- Luật lưu trữ (Luật số 01/2011/QH13); - Thông tư số 07/2012/TT-BNV ⁶ ; - Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ⁷ .
4. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học viên theo quy định của pháp luật, theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm.			
a) Có kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; thực hiện việc tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm theo quy định;	- Có kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; - Thực hiện việc tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm theo quy định của cấp có thẩm quyền.	- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học trong đó có nội dung xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; - Hồ sơ tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ; - Các minh chứng khác (nếu có).	- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ⁸ ; Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT; - Quyết định số 44/2008/QĐ-BGDĐT; - Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐTBXH-

⁵ Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp, Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo thường xuyên, Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN, Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhà giáo GDNN, Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; việc in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

⁶ Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan

⁷ Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành Giáo dục

⁸ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

Tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số	Các yêu cầu để trung tâm đáp ứng tiêu chuẩn	Gợi ý các minh chứng	Văn bản tham chiếu
			BGDĐT-BNV; - Thông tư số 05/2020/TT-BLĐTĐBXH; - Thông tư số 06/2017/TT-BLĐTĐBXH ⁹ ; - VBHN số 2090/VBHN-BLĐTĐBXH ¹⁰ .
b) Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và quản lý học viên;	Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ: - Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên; - Quản lý học viên.	- Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên của trung tâm; - Sổ kiểm tra, đánh giá giáo viên về công tác chuyên môn; - Sổ kế hoạch giảng dạy; - Sổ gọi tên và ghi điểm; - Sổ ghi đầu bài; - Sổ đăng bộ; - Hồ sơ, sổ sách trong đào tạo sơ cấp theo QĐ tại Khoản 1 Điều 32 VBHN số 5830/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 19/12/2019 Thông tư Quy định về đào tạo trình độ sơ cấp - Các báo cáo của trung tâm có nội dung đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và quản lý học viên; - Các minh chứng khác (nếu có).	- VBHN số 5830/VBHN-BLĐTĐBXH ¹¹ ; - Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT.
5. Thực hiện quản lý tài chính, tài sản theo các quy định của Nhà			

⁹ Thông tư số 06/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo GDNN

¹⁰ Văn bản hợp nhất số 2090/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 29/5/2019 quy định về điều lệ trung tâm giáo dục nghề nghiệp

¹¹ Văn bản hợp nhất số 5830/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 19/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp

Tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số	Các yêu cầu để trung tâm đáp ứng tiêu chuẩn	Gợi ý các minh chứng	Văn bản tham chiếu
nước.			
a) Có hệ thống văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản liên quan và quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định;	<ul style="list-style-type: none"> - Có hệ thống văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản liên quan; - Có quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản hiện hành về quản lý tài chính, tài sản có liên quan; - Các báo cáo của trung tâm có nội dung đánh giá việc quản lý tài chính, tài sản; - Quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định; - Các minh chứng khác (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP¹²; - VBHN số 2090/VBHN-BLĐT BXH; - Nghị định số 60/2021/NĐ-CP¹³; - Thông tư số 107/2017/TT-BTC¹⁴; - Thông tư số 140/2007/TT-BTC¹⁵; - Thông tư số 61/2017/TT-BTC¹⁶.
b) Lập dự toán, thực hiện thu, chi, quyết toán và báo cáo tài chính, kiểm kê tài sản theo quy định;	<ul style="list-style-type: none"> - Lập dự toán, thực hiện thu, chi, quyết toán; - Thực hiện báo cáo tài chính, kiểm kê tài sản theo quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự toán kinh phí hằng năm của trung tâm; - Báo cáo thu, chi, quyết toán, thống kê, tài chính, tài sản hằng năm; - Biên bản kiểm kê tài sản hằng năm; - Sổ theo dõi tài sản hằng năm; - Hồ sơ công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT - Các minh chứng khác (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 107/2017/TT-BTC; - Thông tư số 140/2007/TT-BTC; - Thông tư số 61/2017/TT-BTC; - Nghị định số 163/2016/NĐ-CP¹⁷; - Chỉ thị số 20/CT-TTg¹⁸.
c) Quản lý, lưu trữ hồ sơ, chứng	- Quản lý, lưu trữ hồ sơ,	- Các báo cáo của trung tâm có nội	- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

¹² Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công

¹³ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

¹⁴ Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp

¹⁵ Thông tư số 140/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 của Bộ Tài chính Hướng dẫn kế toán áp dụng cho cơ sở ngoài công lập

¹⁶ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ

¹⁷ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước

¹⁸ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

Tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số	Các yêu cầu để trung tâm đáp ứng tiêu chuẩn	Gợi ý các minh chứng	Văn bản tham chiếu
tử; thực hiện công khai tài chính và kiểm tra tài chính theo quy định.	<p>chứng từ đúng theo luật lưu trữ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện công khai tài chính; - Thực hiện kiểm tra tài chính. 	<p>dung đánh giá về quản lý tài chính, tài sản và lưu trữ hồ sơ, chứng từ hằng năm;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sổ quản lý tài sản, tài chính; - Hồ sơ, chứng từ thu chi; - Biên bản hội nghị cán bộ, viên chức có nội dung công khai tài chính; - Biên bản của thanh tra nhân dân có nội dung kiểm tra công khai tài chính; - Báo cáo kiểm toán hoặc kết luận thanh tra về tài chính của cấp có thẩm quyền; - Các minh chứng khác (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 107/2017/TT-BTC; - Thông tư số 140/2007/TT-BTC; - Thông tư số 61/2017/TT-BTC; - Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT¹⁹.
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học viên			
2. Giáo viên			
b) Giáo viên giảng dạy các chương trình giáo dục thường xuyên để lấy văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân đạt tiêu chuẩn tương ứng với từng cấp học của giáo dục chính quy; giáo viên dạy các chương trình khác đạt tiêu chuẩn theo quy	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giảng dạy các chương trình giáo dục thường xuyên để lấy văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 25 Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT (được chuyển đổi chức danh 	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ cán bộ, viên chức của giáo viên; - Sổ kiểm tra, đánh giá giáo viên về công tác chuyên môn; - Các minh chứng khác (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT - Luật số 74/2014/QH13²⁰; - Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT; Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT; Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT; Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT²¹;

¹⁹ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

²⁰ Luật Giáo dục nghề nghiệp

²¹ Các thông tư của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập

Tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số	Các yêu cầu để trung tâm đáp ứng tiêu chuẩn	Gợi ý các minh chứng	Văn bản tham chiếu
định;	nghề nghiệp và bổ nhiệm xếp hạng viên chức theo quy định của Bộ GDĐT); - Giáo viên dạy các chương trình khác đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 54 Luật số 74/2014/QH13.		- Thông tư số 07/2019/TT-BNV ²² .
5. Cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo quyền lợi theo quy định của pháp luật.			
b) Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác khi đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định;	Cán bộ, giáo viên, nhân viên được: - Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; - Hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác khi đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	- Danh sách cán bộ, giáo viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hằng năm; văn bản của trung tâm về công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; - Quy chế chi tiêu nội bộ của trung tâm; - Các chứng từ có nội dung thanh toán lương, phụ cấp và các chế độ khác cho cán bộ, giáo viên khi đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; - Các minh chứng khác (nếu có).	Thông tư số 06/2017/TT-BLĐTBXH ²³
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị			
2. Phòng học đảm bảo yêu cầu			

²² Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6 /2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức

²³ Thông tư số 06/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

Tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số	Các yêu cầu để trung tâm đáp ứng tiêu chuẩn	Gợi ý các minh chứng	Văn bản tham chiếu
theo quy định.			
a) Phòng học đảm bảo về diện tích, ánh sáng, an toàn, có đủ thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập;	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng học đảm bảo về diện tích theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP, ánh sáng, an toàn - Có đủ thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập; thiết bị đào tạo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ tổng thể hoặc từng khu của trung tâm; - Các báo cáo của trung tâm có nội dung thống kê khối phòng học tập; - Biên bản kiểm kê cơ sở vật chất từng năm học của trung tâm; - Danh mục thiết bị đào tạo hiện có; - Hồ sơ, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy. - Hình ảnh (nếu có); - Các minh chứng khác (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP²⁴; - Thông tư số 66/2014/TT-BCA²⁵.
b) Phòng học tin học, ngoại ngữ được nối mạng internet;	Phòng học tin học, ngoại ngữ được nối mạng internet.	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo của trung tâm có nội dung phòng tin học, ngoại ngữ được kết nối internet đáp ứng yêu cầu công tác quản lý và các hoạt động giáo dục; - Hợp đồng, hóa đơn thanh toán tiền dịch vụ internet; - Sổ quản lý tài sản, tài chính; - Biên bản kiểm kê cơ sở vật chất từng năm học của trung tâm; - Các minh chứng khác (nếu có). 	
3. Thực hiện hiệu quả việc liên kết với các ban ngành, tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp.			
a) Liên kết với các ban ngành, tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp để	Liên kết/phối hợp với các ban ngành, tổ chức đoàn thể,	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo của trung tâm có nội dung đánh giá việc liên kết với các 	<ul style="list-style-type: none"> - VBHN số 5830/VBHN-

²⁴ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2014 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

²⁵ Thông tư số 66/2014/TT-BCA²³ ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy

Tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số	Các yêu cầu để trung tâm đáp ứng tiêu chuẩn	Gợi ý các minh chứng	Văn bản tham chiếu
xây dựng chương trình, tài liệu, học liệu phục vụ công tác đào tạo;	doanh nghiệp để xây dựng chương trình, tài liệu, học liệu phục vụ công tác đào tạo nghề phù hợp.	ban ngành, tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp để xây dựng chương trình, tài liệu, học liệu phục vụ công tác đào tạo; văn bản lựa chọn chương trình đào tạo; bản in chương trình các nghề đào tạo của trung tâm; - Hợp đồng biên soạn chương trình, tài liệu, học liệu; - Chứng từ thanh toán (nếu có); - Các minh chứng khác (nếu có).	BLĐTBXH; - Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ²⁶ ; - Thông tư số 152/2016/TT-BTC ²⁷ .
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục			
4. Đảm bảo các yêu cầu khi liên kết với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học để thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên lấy văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân			
b) Quản lý giáo viên thỉnh giảng, quản lý học viên để đảm bảo chất lượng đào tạo;	Quản lý giáo viên thỉnh giảng, quản lý học viên để đảm bảo chất lượng đào tạo.	- Các văn bản của trung tâm liên quan đến công tác quản lý giáo viên thỉnh giảng, quản lý học viên; - Các báo cáo của trung tâm có nội dung đánh giá việc quản lý giáo viên thỉnh giảng, quản lý học viên để đảm bảo chất lượng đào tạo; - Sổ ghi đầu bài; - Sổ dự giờ;	- Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT; - VBHN số 5830/VBHN-BLĐTBXH.

²⁶ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng

²⁷ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng

Tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số	Các yêu cầu để trung tâm đáp ứng tiêu chuẩn	Gợi ý các minh chứng	Văn bản tham chiếu
		<ul style="list-style-type: none"> - Sổ giáo viên chủ nhiệm lớp; - Sổ kế hoạch giảng dạy; - Sổ gọi tên và ghi điểm; - Hồ sơ của giáo viên dạy nghề phổ thông và sơ cấp nghề cho học viên; - Các minh chứng khác (nếu có). 	
5. Kết quả giáo dục và hiệu quả giáo dục.			
a) Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học viên theo học chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông đáp ứng mục tiêu giáo dục;	<p>Kết quả xếp loại của học viên theo học chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông đáp ứng mục tiêu giáo dục về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học lực; - Hạnh kiểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo của trung tâm có nội dung về kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học viên theo học chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông; - Sổ gọi tên và ghi điểm; - Học bạ (đối với trung học cơ sở và trung học phổ thông); - Biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và cấp chứng chỉ cho người học hằng năm. - Các minh chứng khác (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 21/2021/TT-BGDĐT²⁸; - Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT²⁹; - VBHN số 5830/VBHN-BLĐTĐBXH

²⁸ Thông tư số 21/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học viên theo học Chương trình GDTX cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-BGDĐT ngày 23/01/2007 của Bộ trưởng Bộ GDĐT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 26/2014/TT-BGDĐT ngày 11/8/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

²⁹ Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học viên theo học Chương trình GDTX cấp THCS và THPT (Chương trình mới)

Số: 943 /BGDDĐT-CSVC

V/v tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo trả lời, hướng dẫn về khó khăn, vướng mắc của tỉnh Quảng Trị liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 như sau:

Nội dung kiến nghị

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) chưa có hướng dẫn về tiêu chí huyện nông thôn mới.

Bộ Giáo dục và Đào tạo trả lời như sau:

Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022, trong đó, các tiêu chí về lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quy định cụ thể như sau:

a) Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới

Tiêu chí Y tế - Văn hóa - Giáo dục (tiêu chí số 5)

- Chỉ tiêu 5.3: Tỷ lệ trường trung học phổ thông (THPT) đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên ($\geq 60\%$);

- Chỉ tiêu 5.4: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục (cấp độ 1).

b) Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao

Tiêu chí Y tế - Văn hóa - Giáo dục (tiêu chí số 5)

- Chỉ tiêu 5.3: Có 100% số trường THPT đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất có 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2;

- Chỉ tiêu 5.4: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục (cấp độ 2).

Về công nhận trường THPT đạt chuẩn quốc gia (các mức độ) đã được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Về kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, Bộ GDĐT đã ban hành Văn bản số 5647/BGDĐT-QLCL ngày 27/10/2022 về việc hướng dẫn việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (*Có văn bản kèm theo*).

Để thực hiện các tiêu chí về giáo dục và đào tạo, Bộ GDĐT đã ban hành Văn bản số 5115/BGDĐT-CSVC ngày 07/10/2022 về việc triển khai nội dung thành phần giáo dục và đào tạo thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 (*Có văn bản kèm theo*). Đồng thời, Bộ GDĐT đã tổ chức hội thảo, tập huấn cho 63 sở GDĐT để hướng dẫn thực hiện các Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp: xã, huyện, tỉnh¹.

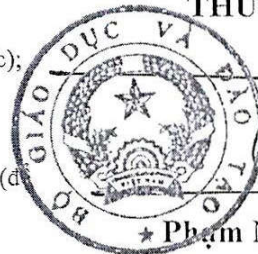
Bộ Giáo dục và Đào tạo trả lời để Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị biết, triển khai thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng CP Trần Lưu Quang (để b/c);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: KHĐT, TC, NN&PTNT;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để thực hiện);
- Lưu: VT, CSVC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thuởng

★ Phạm Ngọc Thuởng

¹ Tổ chức hội thảo tập huấn tại Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội vào tháng 11/2022